

NHẬT TỤNG THIỀN MÔN

Ấn bản 2012

Công phu sáng Thứ Sáu

– Kinh Người Bắt Rắn – Thiên Long Hộ Pháp

Tĩnh Tọa – 20 tới 30 phút

Kinh Hành Im Lặng – một vòng

Kệ Mở Kinh

Nam mô đức Bốn Sư Bụt Thích Ca Mâu Ni (3 lần) (C)
Pháp Bụt cao siêu mầu nhiệm
Cơ duyên may được thọ trì
Xin nguyện đi vào biển tuệ
Tĩnh thông giáo nghĩa huyền vi. (C)

Trì tụng

Hương về Bụt và Thánh Chúng trên hội Kỳ Viên
(3 lần) (C)

Kinh Người Bắt Rắn (C)

Đây là những điều tôi được nghe hồi Bụt còn du hành ở Xá Vệ trong vườn Cấp Cô Độc và rừng cây Kỳ Đà. Đạo ấy, khát sĩ A Lê Sá, vốn xưa là người huấn luyện chim ưng, có tà kiến như sau:

“Theo sự hiểu biết của tôi về điều Bụt dạy, hưởng thụ dục lạc không phải là chướng ngại cho sự tu tập.” Nghe đồn như thế, nhiều vị khát sĩ tìm tới A Lê Sá và hỏi: “A Lê Sá, sư huynh đã nói rằng theo sự hiểu biết của sư huynh về lời Bụt dạy thì hưởng thụ dục lạc không có chướng ngại gì cho sự tu tập, có phải thế không?” Khát sĩ A Lê Sá trả lời: “Các hiền hữu, quả là như thế. Tôi nghĩ rằng Bụt không cho sự hưởng thụ dục lạc là chướng ngại cho sự tu tập.” Các vị khát sĩ bảo:

“Này sư huynh A Lê Sá, sư huynh đừng nói như thế, đừng bài báng và vu khống đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn không hề nói như vậy; bài báng và vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Sư huynh A Lê Sá, dục lạc là chướng ngại cho sự tu tập. Thế Tôn đã dùng rất nhiều ví dụ để nói với chúng ta điều đó. Sư huynh nên từ bỏ tà kiến ấy đi.” Tuy đã được các vị khát sĩ chỉ bảo cho như thế nhưng khát sĩ A Lê Sá vẫn không nghe, vẫn cố thủ tà kiến của mình, vẫn một mực nói rằng điều ông ta nghĩ là sự thực, ngoài ra các ý kiến khác đều sai lầm. Can thiệp như vậy đến ba lần mà không có hiệu quả, các vị khát sĩ mới đứng dậy bỏ đi. Họ

tìm tới Bụt. Sau khi đánh lễ dưới chân Người, các vị ngồi lại một bên và bạch lại tự sự với Bụt. Bụt cho gọi khất sĩ A Lê Sá, quở trách thầy và dạy các vị khất sĩ:

“Những giáo pháp tôi nói, các thầy phải tìm hiểu nghĩa lý một cách thật tường tận và đúng mức rồi mới nên đem ra hành trì. Nếu chưa tìm hiểu được nghĩa lý một cách tường tận và đúng mức thì trước hết hãy nên hỏi lại chính tôi hoặc hỏi lại các bậc trí giả và các bậc phạm hạnh đã. Tại sao? Có những người thiếu trí tuệ, vì có nhận thức sai lạc về văn và về nghĩa, đã hiểu ngược những điều đề cập đến trong các thể tài kinh điển như chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tụng, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thữ thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghị. Những người ấy đã học với chủ ý tranh luận hơn thua mà không học vì mục đích tu tập giải thoát nên đã bị kẹt vào sự tướng mà không tiếp nhận được chân nghĩa của kinh. Họ trải qua nhiều gian nan cực khổ mà không có lợi ích gì, rốt cùng chỉ thêm mệt mỏi. Cũng giống như người đi bắt rắn ở miền hoang dã, thấy rắn lớn liền lấy tay chụp vào

mình nó cho nên bị rấn quay đầu lại mỗ vào tay, vào chân hoặc vào một bộ phận khác của cơ thể. Bắt rấn như vậy thì không có ích lợi gì mà lại mang họa vào thân. Lý do là tại người ấy không biết thủ thuật bắt rấn. Người học kinh không thông minh cũng vậy: vì không biết cách học hỏi nên đã hiểu nghĩa kinh một cách trái ngược. Những kẻ khôn ngoan sẽ biết khéo léo tiếp nhận văn kinh và nghĩa kinh, do đó không có những kiến giải đảo lộn. Họ không học vì mục đích khoe khoang và tranh cãi. Họ học với mục đích tìm đường giải thoát. Vì vậy họ không hề cực khổ và lao nhọc. Họ cũng giống như người đi bắt rấn mà biết sử dụng một khúc cây có nạng sắt, khi đi đến vùng hoang dã, thấy rấn lớn, họ ấn nạng ngay xuống cổ rấn và lấy tay bắt ngay đầu rấn. Rấn kia tuy có thể quấy đuôi, quấn tay, quấn chân hoặc một bộ phận khác của cơ thể người bắt rấn, nhưng không thể nào mỗ người ấy được. Bắt rấn như vậy không cực khổ mà cũng không lao nhọc, chỉ vì người ấy biết rõ thủ thuật bắt rấn. Người con trai hoặc con gái nhà lành khi học hỏi kinh điển cũng phải khéo léo tiếp nhận văn và nghĩa kinh một

cách không đảo lộn thì mới nắm được chánh pháp. Họ không học hỏi với mục đích ba hoa tranh cãi mà chỉ học với mục đích tìm cầu giải thoát. Họ không cần trải qua những cực khổ và nhọc nhằn.

“Các vị khát sĩ, tôi đã nhiều lần nói với quý vị về ví dụ chiếc bè, và căn dặn quý vị phải biết buông bỏ chiếc bè mà đừng nắm giữ nó kỹ quá. Ví dụ có một hôm nước trên núi tràn về thành dòng lớn làm ngập lụt và trôi dạt nhiều thứ. Có kẻ muốn qua bên kia bờ mà không có thuyền cũng không có cầu. Người ấy nghĩ: “Ta có việc cần phải qua bên kia, nhưng phải tìm phương thế an ổn để mà qua”. Nghĩ như vậy rồi liền đi thu lượm cây cỏ kết lại thành một chiếc bè và dùng bè đó để vượt dòng sang bờ bên kia một cách an ổn. Qua bên kia rồi người ấy nghĩ: “Ta mất bao nhiêu công phu và thì giờ mới kết được chiếc bè và nhờ nó mới qua được bên này. Vậy ta không nên bỏ nó. Bây giờ ta phải khiêng nó lên vai hoặc đội nó lên đầu mà đi.” Người ấy nói rồi làm như thế. Các vị khát sĩ! Các vị nghĩ người ấy làm như thế có ích lợi gì không?”

Các vị khát sĩ đáp: “Bạch Đức Thế Tôn, không.” Bụt nói:

“Kẻ kia làm thế nào để chiếc bè ấy có thể tiếp tục có ích? Ông ta nên nghĩ rằng: “Chiếc bè này đã giúp ta vượt dòng qua đây an ổn, vậy ta nên thả chiếc bè lại xuống nước hoặc để nó bên bờ. Như vậy người đến sau sẽ có được cơ hội dùng nó.”
Này các vị khát sĩ, nghĩ và làm như thế thì có lợi ích không?”

Các vị khát sĩ đáp: “Bạch Đức Thế Tôn, có.”
Bụt dạy:

“Tôi đã nhiều lần nói với các vị về ví dụ chiếc bè là ví thế. Pháp mà còn phải buông bỏ, huống là cái Không Phải Pháp. (c)

“Này các vị khát sĩ! Có sáu kiến xứ nghĩa là sáu loại nhận thức sai lầm nên buông bỏ. Những gì là sáu?

“Trước hết là sắc thân. Sắc thân, dù thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại, dù bên trong hay bên ngoài, dù vi tế hoặc thô sơ, dù đẹp hay xấu, dù xa hay gần, sắc thân ấy cũng không phải là của

ta, không phải là ta, cũng không phải là thần ngã. Vị khát sĩ phải biết quán chiếu để thấy được sự thật về sắc thân.

“Thứ hai là cảm thọ.

“Thứ ba là tri giác.

“Thứ tư là tâm hành.

“Những pháp ấy dù thuộc quá khứ, vị lai hay hiện tại, dù bên trong hay bên ngoài, dù vi tế hoặc thô sơ, dù đẹp hay xấu, dù xa hay gần, đều không phải là của ta, không phải là ta, cũng không phải là thần ngã.

“Thứ năm là nhận thức: những gì ta thấy, nghe, hay, biết, nắm bắt, quán sát và tư niệm, trong thời gian này hay trong thời gian khác, những thứ ấy đều không phải là của ta, đều không phải là ta, đều không phải là thần ngã.

“Sau hết là thế giới. Có kẻ quan niệm rằng: “Thế giới là thần ngã, thần ngã là thế giới, thế giới là ta, ta sẽ tồn tại không biến dịch sau khi chết, ta là cái vĩnh viễn không mòn diệt.” Ta nên quán chiếu để thấy rằng thế giới không phải là của ta, không phải là ta, không phải là thần ngã. Quán chiếu như thế để thấy được sự thật ấy về thế giới.”

Nghe đến đây, một vị khất sĩ đứng dậy trật vai áo bên phải ra, chắp tay hướng về Bụt và bạch: “Thế Tôn, có thể vì một lý do nội tại mà có sự hoảng sợ và lo buồn hay không?”

Bụt dạy:

“Có thể. Nếu có kẻ nhận thức và nói như sau: “Cái ấy ngày xưa vốn không có, rồi trở nên có, mà bây giờ tôi lại không có.” Nhận thức như thế và nói như thế thì kẻ ấy có thể ưu sầu, than khóc và đấm ngực cho đến phải trở nên điên dại. Đó là sự hoảng sợ và lo buồn có lý do nội tại.”

Vị khất sĩ hỏi: “Thế Tôn, có thể có một lý do ngoại tại đưa đến sự hoảng sợ và lo buồn hay không?”

Bụt dạy:

“Có thể. Giả sử có kẻ nhận thức và nói như sau: “Đây là thần ngã, đây là thế giới, đây là ta, ta sẽ tồn tại mãi về sau.” Rồi người ấy gặp Bụt hay một người học trò của Bụt có đủ thông minh trí tuệ thuyết pháp cho nghe về sự xả ly các kiến chấp về thân, về ngã, về ngã sở, về sự buông bỏ ngã mạn, triền sở và lậu hoặc, kẻ ấy có thể nghĩ rằng: “Thôi thế là hết, ta phải buông bỏ tất cả, ta không phải là

thế giới, là ta, là thần ngã, ta sẽ không thể tồn tại mãi mãi về sau, sau khi chết ta sẽ hoàn toàn đoạn diệt, không còn gì nữa để mà thương, để mà vui, để mà ghi nhớ.” Nghĩ như thế, kẻ ấy có thể ưu sầu, than khóc và đấm ngực cho đến phải trở nên điên dại. Đó là lý do ngoại tại có thể đưa đến sự hoảng sợ và lo buồn.

“Các vị khát sĩ! Các vị có nhận thức về năm uẩn và về cái ta như một cái gì thường trú, không biến dịch và không hoại diệt hay không?”

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Có một cái gì mà ta tiếp nhận và nắm bắt với sự tham ái mà lại không gây ra lo lắng, mệt nhọc, than khóc, khổ đau và tuyệt vọng hay không?”

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Quý vị có thấy chỗ tựa nào cho một ngã kiến mà không đem lại lo lắng, mệt nhọc, than khóc, khổ đau và tuyệt vọng hay không?”

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Hay lắm! Vì có ý niệm về ta cho nên mới có ý niệm về của ta, nếu không có ý niệm về ta thì sẽ không có ý niệm về của ta. Ta và của ta đều là những ý niệm không thể nắm bắt được, không thể

thiết lập được. Những nhận thức sai lầm ấy nếu phát sanh trong tâm ta sẽ kết thành những triền sử. Những triền sử ấy được phát sanh từ những khái niệm không nắm bắt được mà cũng không thành lập được. Phải chăng cái đó hoàn toàn chỉ là những nhận thức sai lầm và những hậu quả nối dài của những nhận thức sai lầm ấy, như trong trường hợp khát sĩ A Lê Sá xưa kia làm nghề huấn luyện chim ưng? (c)

“Nếu qua sáu đối tượng (sắc, thọ, tưởng, hành, thức và thế giới) ấy mà không thấy có cái ta và cái của ta, vị khát sĩ sẽ không bị vướng vào những ràng buộc của cuộc đời. Vì không bị vướng cho nên không hoảng sợ, không hoảng sợ cho nên đạt được Niết Bàn. Vị ấy biết luân hồi khổ đau đã chấm dứt, đời sống phạm hạnh đã hoàn tất, điều cần làm đã làm, không còn bị sanh tử nữa, và nhận thức được chân lý thực tại. Một vị khát sĩ như thế đã lấp được thông hào, vượt được thông hào, phá được thành quách, mở tung được lè khóa, soi được vào gương thánh trí.

“Các vị khát sĩ! Đó là trường hợp của Như Lai và của các vị khát sĩ đã giải thoát. Vua trời Đế

Thích, Sanh Chủ, Phạm Thiên và quyến thuộc của họ dù có đi tìm kiếm cũng không thể nào thấy được dấu tích y cứ của tâm thức Như Lai. Tôi thường nói: “Như Lai là trạng thái cao quý, Như Lai là trạng thái mát mẻ, Như Lai là trạng thái không nóng bức, Như Lai là trạng thái không còn sự khóc than.” Vì nghe tôi giảng dạy như thế nên nhiều vị sa môn và phạm chí đã vu báng tôi là vọng ngôn, là không chân thật. Họ nói: “Sa môn Gotama chủ trương thuyết hư vô và tuyên dương chủ nghĩa hoại diệt; trong khi chúng sanh là những thực thể có thật.” Những điều họ nói, Như Lai có bao giờ chủ trương đâu. Như Lai thực sự chỉ nói pháp diệt khổ đem đến trạng thái vô ưu. Nếu có bị ai tới mắng nhiếc, khiêu khích, phỉ báng, đánh đập, Như Lai cũng không hề giận dữ, không hề ghét bỏ và cũng không có ý trả thù. Nếu có kẻ tới la mắng, phỉ báng và đánh đập Như Lai thì Như Lai sẽ phản ứng ra sao? Như Lai sẽ nghĩ rằng: “Nếu có người tới cung kính, cúng dường, lễ bái và tôn trọng Như Lai thì không phải vì thế mà Như Lai hãnh diện. Như Lai chỉ nghĩ rằng người

ấy đến là vì thành quả của sự đạt ngộ và của sự chuyển hóa nơi Như Lai mà thôi.”

Các vị khát sĩ nghe Bụt nói xong, hoan hỷ phụng hành. (CC)

Chuyển Niệm

Chúng con hiện tiền tâm thanh tịnh
Thiền tọa kinh hành và tụng kinh
Xin nguyện Tam Bảo và Long Thiên
Yểm trợ đạo tràng cùng bốn chúng
Tám nạn ba đường đều thoát khỏi
Bốn ân ba cõi thấm hồng ân
Thế giới khắp nơi không chiến tranh
Gió hòa mưa thuận dân an lạc
Đại chúng chuyên tu càng tinh tiến
Mười địa đi lên không khó khăn
Tăng thân an lạc sống tươi vui
Mọi giới quy y thêm phúc tuệ. (C)
Trí Bụt sáng ngời như trăng tỏ
Thân Bụt thanh tịnh như lưu ly
Bụt ở thế gian thường cứu khổ
Tâm Bụt không đâu không từ bi.

Nam mô Bụt Thích Ca Mâu Ni (3 lần) (C)

(Vừa niệm Bụt vừa đi nhiều)

Đảnh Lễ

Nhất tâm kính lễ đức Bụt Thích Ca Mâu Ni
Nhất tâm kính lễ đức Bụt Di Lặc
Nhất tâm kính lễ đức Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi
Nhất tâm kính lễ đức Bồ Tát Đại Hạnh Phổ Hiền
Nhất tâm kính lễ đức Bồ Tát Thường Bất Khinh
Nhất tâm kính lễ liệt vị tổ sư qua các thời đại từ
Tây Trúc cho đến Việt Nam (cc)

Thiên Long Hộ Pháp (c)

Thiên, Long, Tu La và Dược Xoa
Đến đây nghe Pháp phải hết lòng
Ủng hộ đạo Bụt cho bền lâu
Tất cả làm theo lời Bụt dạy.
Những ai đã đến đây nghe Pháp
Hoặc ở dưới đất hoặc trên không
Hãy nhìn mọi loài bằng mắt thương
Ngày đêm an trú trong chánh pháp.
Nguyện cho thế giới thường an ổn
Thấm nhuần phước trí và từ bi
Tất cả tội chướng đều tiêu trừ
Lìa xa khổ não, thường an lạc.
Đại chúng nhất tâm trì giới luật

Công phu thiền định phải tinh chuyên
Đóa hoa tuệ giác nở trang nghiêm
Khắp nơi mọi loài đều hạnh phúc. (CC)

Quay Về Nương Tựa

Con về nương tựa Bụt, người đưa đường chỉ lối
cho con trong cuộc đời.

Con về nương tựa Pháp, con đường của tình
thương và sự hiểu biết.

Con về nương tựa Tăng, đoàn thể của những
người nguyện sống cuộc đời tỉnh thức. (C)

Đã về nương tựa Bụt, con đang có hướng đi sáng
đẹp trong cuộc đời.

Đã về nương tựa Pháp, con đang được học hỏi và
tu tập các pháp môn chuyển hóa.

Đã về nương tựa Tăng, con đang được tăng thân
soi sáng, dìu dắt và nâng đỡ trên con đường thực
tập. (C)

Về nương Bụt trong con, xin nguyện cho mọi
người thể nhận được giác tính, sớm mở lòng Bồ
Đề.

Về nương Pháp trong con, xin nguyện cho mọi

người nắm vững các pháp môn, cùng lên đường chuyển hóa.

Về nương Tạng trong con, xin nguyện cho mọi người xây dựng nên bốn chúng, nhiếp hóa được muôn loài. (CC)

Hồi Hướng

Trì tụng kinh thâm diệu

Tạo công đức vô biên

Đệ tử xin hồi hướng

Cho chúng sinh mọi miền. (C)

Pháp môn xin nguyện học

Ân nghĩa xin nguyện đền

Phiền não xin nguyện đoạn

Quả Bụt xin chúng nên. (CCC)